| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 8 – BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số: 65/2025/QĐST-HNGĐ

*Bắc Ninh, ngày 12 tháng 9 năm 2025*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16/7/2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1990.

Bị đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1992.

Cùng ĐKHKTT và cư trú tại: Khu phố L, phường Q, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Văn L, sinh năm 1962.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Anh Vũ Văn H, sinh năm 1988.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Cùng ĐKHKTT và cư trú tại: Khu phố L, phường Q, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoa, anh H, chị T: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1962; ĐKHKTT và cư trú tại: Khu phố L, phường Q tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 04 tháng 9 năm 2025.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Trần Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Trần Thị M đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Vũ Văn H và chị Trần Thị M có 02 con chung là Vũ T, sinh ngày 01/3/2014 và Vũ Thị Lệ Q, sinh ngày 25/12/2017. Anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ T và Vũ Thị Lệ Q. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị giải quyết.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có.

- Về trích chia công sức: Anh H, chị M cùng thỏa thuận: **A**nh H trích trả công sức cho chị M với số tiền 528.338.000 đồng. Chị M được nhận số tiền trích chia công sức do anh H trả là 528.338.000 đồng. (Xác nhận chị M đã nhận đủ số tiền 528.338.000 đồng từ anh H vào ngày 12/9/2025).

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0003752, ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh B. Trả lại anh Vũ Văn H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự có văn bản thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận trước khi hòa giải nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Trần Thị M đã nộp số tiền 21.000.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu đồng*) tạm ứng án phí tại biên lai số 0003774, ngày 29/7/2025 đồng tạm ứng án phí của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh, (xác nhận chị Mai đã nộp đủ).

4**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:*** **THẨM PHÁN**

*- TAND tỉnh B;*
*- VKSND khu vực ;*
*- THADS tỉnh B;*
*- Chi cục THADS khu vực ;*
*- UBND phường Q, tỉnh B;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu HS,VP.*

**Nguyễn Thị Thu Hồng**